

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018.

“V/v: Tranh chấp về ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 253/2018/HNGĐ-ST, ngày 25 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp về ly hôn, con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 13/11/2018, *giữa:*

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị H, sinh năm: 1981(Có mặt).

Nơi cư trú: thôn 1, xã EM, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn G, sinh năm 1977(Vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn 1, xã EM, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị H trình bày:

Bà H và ông G chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã C. Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông G không lo tu chí làm ăn mà chỉ lo chơi bời, rượu chè cờ bạc, đề đóm sinh ra nợ nần, bà H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông G không thay đổi tính tình, chỉ suốt ngày lo chơi bời cờ bạc, còn về nhà yêu cầu bà H đưa tiền để ăn chơi. Vào năm 2017 ông G đi chơi đánh bài thua nên nợ nần bị chủ nợ tới nhà đòi nợ, đồng thời ép buộc bà H phải trả khoản nợ thua bạc cho ông G, vì lo sợ đến sự an toàn của gia đình nên bà H phải nhờ tới chính quyền xã can thiệp mới có thể được ở nhà. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà H có nguyện vọng là được ly hôn với ông Bùi Văn G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Quang T, sinh ngày 06/9/2001 và cháu Bùi Thụy Song A, sinh ngày 29/3/2004.

Bà H có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con cho đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng để bà H nuôi cháu Bùi Thụy Song A đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian trợ cấp tính từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi cháu Song A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung nợ chung: Bà H và ông G tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar triệu tập nhiều lần và niêm yết công khai hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Bùi Văn G vẫn không đến tòa án để giải quyết vụ án. Nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Bùi Văn G.

Ngày 13/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù ông Bùi Văn G đã được Tòa án nhân dân huyện EaKar niêm yết công khai hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông G vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 233 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Bùi Văn G vẫn vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chu Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn G. Về con chung: Bà H có nguyện vọng được nuôi hai con chung và yêu cầu ông G có trách nhiệm trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định Điều 179; Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Chu Thị H. Cho bà Chu Thị H được ly hôn với ông Bùi Văn G. Về con chung: Giao cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và ông G phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không có nên không đề cập đến để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Chu Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn giữa bà H và ông Bùi Văn G. Ông G đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã EM, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Chu Thị H và ông Bùi Văn G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Qua yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G bỏ bê gia đình, không chăm sóc con cái, không lo tu chí làm ăn mà chỉ lo chơi bời, rượu chè cờ bạc sinh ra nợ nần để chủ nợ đến nhà đòi nợ sự việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận. Bên cạnh đó, năm 2016 bà H đã nộp đơn xin ly hôn ông Bùi Văn G nhưng sau đó bà H đã rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ. Hiện nay, do cuộc sống không có hạnh phúc nên bà H tiếp tục làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông G đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H và ông G không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để cho bà Chu Thị H được ly hôn với ông Bùi Văn G là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Chu Thị H và ông Bùi Văn G có 02 con chung là cháu Bùi Quang T, sinh ngày 06/9/2001 và cháu Bùi Thụy Song A, sinh ngày 29/3/2004. Xét thấy hiện nay bà H có nghề nghiệp ổn định, thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng được 02 con chung đến tuổi trưởng thành, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, các cháu Bùi Quang T và Bùi Thụy Song A cũng có nguyện vọng được ở với bà H nên cần giao 02 con chung cho bà Chu Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H yêu cầu ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con 1.000.000 đồng/01 tháng để bà H nuôi cháu Bùi Thụy Song A cho đến khi các con chung trưởng thành. Xét thấy đây là yêu cầu hợp lý nên cần chấp nhận. Thời hạn trợ cấp tính từ tháng 01 năm 2019 đến khi cháu Song A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Chu Thị H và ông Bùi Văn G tự thỏa thuận giải quyết nên Tòa án không đề cập đến để giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004470 ngày 24/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar. Ông Bùi Văn G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Chu Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Chu Thị H được ly hôn với ông Bùi Văn G.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang T, sinh ngày 06/9/2001 và cháu Bùi Thụy Song A, sinh ngày 29/3/2004 cho bà Chu Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bùi Văn G có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng để bà Chu Thị H nuôi dưỡng cháu Song A đến khi đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2019 đến khi cháu Song A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Bùi Văn G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông G không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: bà Chu Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004470 ngày 24/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar. Ông Bùi Văn G phải nộp 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Bùi Văn G được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện

